

Các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận tín dụng chính thức của hộ nghèo huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long

PHƯỚC MINH HIỆP*
NGUYỄN NGỌC MINH**
PHƯỚC VĂN HẠNH***

Tóm tắt

Nghiên cứu đã tiến hành khảo sát 173 hộ nghèo trên địa bàn huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long. Trên cơ sở số liệu thu được, nhóm nghiên cứu sử dụng phương pháp thống kê mô tả, kiểm định độ tin cậy thang đo bằng hệ số Cronbach's Alpha, phân tích nhân tố khám phá (EFA) và phân tích hồi quy nhị phân (Binary Logistic) và đã xác định được rằng, có 3 nhân tố tác động đến khả năng tiếp cận vốn tín dụng chính thức (TDCT) của hộ nghèo là: (1) Độ tuổi của chủ hộ; (2) Thu nhập và diện tích đất của hộ; (3) Giới tính của chủ hộ.

Từ khóa: khả năng tiếp cận vốn tín dụng, hộ nghèo huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long

Summary

This research has been conducted on 173 poor households in Tra On town, Vinh Long province. Using descriptive statistics method to describe sample, then the authors verify the scale reliability by Cronbach's Alpha coefficient and exploring factor analysis (EFA). At the same time, the authors apply binary logistic analysis and confirm three factors affecting the access of poor households to formal credit including: (1) Household age; (2) Income and land size; (3) Household gender.

Keywords: access to credit, poor households in Tra On town, Vinh Long province

GIỚI THIỆU

Trà Ôn là huyện vùng sâu của tỉnh Vĩnh Long, có đông đồng bào dân tộc Khmer sinh sống. Tính đến hết năm 2015, trên địa bàn Huyện có trên 20.000 hộ thuộc diện nghèo và các đối tượng chính sách xã hội được vay vốn với mức lãi suất ưu đãi theo các chương trình cho vay, như: nghèo, cận nghèo, học sinh - sinh viên, giải quyết việc làm, nước sạch và vệ sinh môi trường, đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn... Tuy nhiên, việc tiếp cận được nguồn vốn để có kinh phí tham gia sản xuất còn rất nhiều hạn chế.

Nhằm góp phần giải quyết vấn đề vốn cho hộ nghèo để yên tâm sản xuất ở huyện Trà Ôn, chúng tôi tiến hành nghiên cứu "Xác định các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận TDCT của hộ nghèo trên địa bàn

huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long" nhằm xác định những nhân tố nào tác động đến khả năng tiếp cận TDCT của hộ nghèo và từ đó đề xuất một số hàm ý chính sách nhằm nâng cao khả năng tiếp cận TDCT của hộ nghèo trên địa bàn Huyện.

CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU

Khalid Mohamed (2003) đã làm sáng tỏ một số yếu tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận TDCT, như: tuổi, giới tính, nghề nghiệp, quy mô hộ, vị trí xã hội, ý thức, thu nhập, giá trị tài sản, trình độ văn hóa, diện tích đất.

* PGS, TS., Tạp chí Cộng sản | Email: phuocminhiep@gmail.com

** ThS., Ngân hàng Liên Việt, Chi nhánh Vĩnh Long

*** ThS., Trường Đại học Quốc tế - Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh

Ngày nhận bài: 04/05/2017; Ngày phản biện: 31/08/2017; Ngày duyệt đăng: 12/09/2017

Paul Mpuga (2008) đã cho ra kết quả phân tích nhu cầu tín dụng thông qua các yếu tố, bao gồm: tuổi, giới tính, trình độ, tình trạng hôn nhân, thu nhập và lãi suất.

Dzadze P., Osci Mensah J., Aidoo R. và Nurah GK (2012) đã tìm cách xác định yếu tố hạn chế, hoặc tăng cường tiếp cận TDCT của nông dân sản xuất nhỏ trong quận Abura - Asebu - Kwamankese thuộc khu vực trung tâm của Ghana. Kết quả mô hình tiết lộ rằng, liên lạc mở rộng, trình độ học vấn và thói quen tiết kiệm đã có ảnh hưởng tích cực đối với tiếp cận TDCT của nông dân.

Tại Việt Nam, Trương Đông Lộc và Trần Bá Duy (năm 2010) đã nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận TDCT của nông hộ trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. Nghiên cứu này đã áp dụng mô hình Probit, kết quả phân tích cho thấy, các nhân tố có ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận TDCT của nông hộ bao gồm: tuổi của chủ hộ, số thành viên trong gia đình, trình độ học vấn của chủ hộ, diện tích đất của hộ, khả năng đi vay từ các nguồn không chính thức, thu nhập của hộ và tổng tài sản của hộ.

Còn Bùi Văn Trinh (2014) đã chỉ ra rằng, với khả năng tiếp cận vốn, thì có 4 yếu tố (diện tích đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tài sản và chi tiêu) có mối tương quan thuận và 2 yếu tố (dân tộc và tỷ lệ nhân khẩu phụ thuộc) có mối tương quan nghịch.

Trên cơ sở các nghiên cứu trước đó, cùng với việc tham khảo một số thành viên đang làm việc tại các ngân hàng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long, các tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu chính thức với các giả thuyết đã được điều chỉnh lại cho phù hợp hơn với địa bàn nghiên cứu như Hình.

Các giả thuyết gồm:

H1: Độ tuổi của chủ hộ có quan hệ dương với khả năng tiếp cận TDCT của hộ nghèo.

H2: Giới tính của chủ hộ có ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận TDCT của hộ.

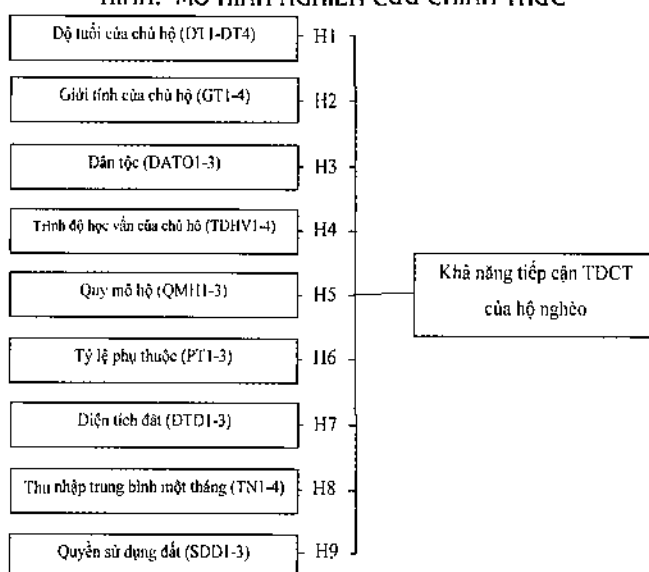
H3: Dân tộc của hộ có ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận TDCT của hộ.

H4: Trình độ học vấn của chủ hộ có quan hệ dương với khả năng tiếp cận TDCT của hộ nghèo.

H5: Quy mô hộ có quan hệ âm với khả năng tiếp cận TDCT của hộ nghèo.

H6: Tỷ lệ phụ thuộc có quan hệ âm với khả năng tiếp cận TDCT của hộ nghèo.

HÌNH: MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU CHÍNH THỨC



H7: Diện tích đất của chủ hộ có quan hệ dương với khả năng tiếp cận TDCT của hộ nghèo.

H8: Thu nhập trung bình một tháng của chủ hộ có quan hệ dương với khả năng tiếp cận TDCT của hộ nghèo.

H9: Quyền sử dụng đất (SDD) của chủ hộ có quan hệ dương với việc nâng cao khả năng tiếp cận TDCT của hộ nghèo.

Để có dữ liệu nghiên cứu, các tác giả thực hiện điều tra khảo sát qua bảng hỏi. Nhóm tác giả chọn ra 03 xã có số hộ nghèo đông nhất trong huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long là: Trà Côn, Tân Mỹ, Vĩnh Xuân. Mỗi xã chọn ra 02 ấp để tiến hành điều tra phỏng vấn các hộ nghèo. Kích cỡ mẫu dự kiến $N=173$ được chọn chủ yếu theo phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên phân tầng. Sau khi xử lý, số phiếu hợp lệ còn là 150. Khảo sát được thực hiện từ tháng 05-07/2016.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Phân tích độ tin cậy thông qua hệ số Cronbach's Alpha

Kết quả phân tích độ tin cậy thông qua hệ số Cronbach's Alpha ta có, hệ số Cronbach's Alpha là 0,864 và trong đó hệ số tương quan biến tổng của biến DATO3, TDHV4, QMH2, PT1, TN4, SDD1, SDD2, SDD3 nhỏ hơn 0,3, nên nhóm tác giả loại bỏ các biến này do không đạt yêu cầu. Vì thế, mô hình chỉ còn 8 nhân tố (do nhân tố Quyền sử dụng đất bị loại), với 23 yếu tố (biến quan sát).

Phân tích nhân tố khám phá (EFA)

Kết quả phân tích EFA (Bảng 2) cho thấy, giá trị KMO = 0,922 ($0,5 \leq KMO \leq 0,922 \leq 1$) và kiểm định Bartlett's về tương quan của các biến quan sát có giá trị Sig. = 0,000 < 5% chứng tỏ các biến có liên quan chặt chẽ. Giá trị tổng phương sai trích = 63,184% (>50%) đạt yêu cầu tức có nghĩa là các biến đưa vào mô hình

**BẢNG 1: KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ THANG ĐO
BẢNG HỆ SỐ CRONBACH'S ALPHA LẦN CUỐI**

Nhân tố	Trung bình thang đo nếu loại biến	Phương sai thang đo nếu biến bị loại	Trương quan biến tổng	Hệ số Cronbach's Alpha nếu loại biến
DT1	80,23	161,862	0,512	0,943
DT2	80,35	163,077	0,557	0,942
DT3	80,48	162,751	0,560	0,942
DT4	80,46	160,657	0,572	0,942
GT1	80,43	162,456	0,556	0,942
GT2	80,41	161,883	0,525	0,942
GT3	80,54	159,331	0,698	0,940
GT4	80,38	160,191	0,649	0,940
DATA1	80,36	158,768	0,696	0,940
DATA2	80,31	159,342	0,674	0,940
TDHV1	80,36	162,012	0,602	0,941
TDHV2	80,47	161,890	0,628	0,941
TDHV3	80,47	161,250	0,601	0,941
QMH1	80,40	161,452	0,576	0,941
QMH3	80,25	158,479	0,669	0,940
PT2	80,33	160,059	0,658	0,940
PT3	80,28	160,330	0,639	0,941
DTD1	80,35	160,369	0,681	0,940
DTD2	80,36	159,464	0,670	0,940
DTD3	80,16	158,055	0,702	0,940
TN1	80,34	159,738	0,702	0,940
TN2	80,35	160,776	0,648	0,940
TN3	80,44	159,887	0,700	0,940

BẢNG 2: KIỂM ĐỊNH KMO VÀ BARTLETT TEST

Hệ số KMO		,922
Kiểm định Bartlett's	Approx. Chi-Square	2,288E3
	Df	253
	Sig.	,000

Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm tác giả

BẢNG 3: KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH MÔ HÌNH LOGISTIC

Thang đo	Hệ số hồi quy B	Độ lệch chuẩn	Giá trị z	Mức ý nghĩa
Thu nhập và diện tích đất của hộ (X1)	3,6628	0,7665	4,78	0,000
Độ tuổi của chủ hộ (X2)	3,8116	0,8079	4,72	0,000
Trình độ học vấn của chủ hộ (X3)	0,6045	0,3839	1,57	0,115
Giới tính của chủ hộ (X4)	0,8038	0,3565	2,25	0,024
Hằng số	3,224	0,6041	5,34	0,000
Mức ý nghĩa kiểm định Chi-bình phương				0,000
Hệ số Log likelihood				-31,027117

Nguồn: Kết quả xử lý bằng phần mềm STATA 12

giải thích được 63,184% biến động của các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận TDCT của hộ nghèo. Kết quả phân tích EFA cho thấy, có hiện tượng gom biến, nên từ 8 nhân tố sau kiểm định độ tin cậy Cronbach's Alpha bây giờ chỉ còn 4 nhân tố, với 23 biến quan sát ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận TDCT của hộ nghèo. Các nhân tố được đặt tên lại như sau: (1) Thu nhập và diện tích đất của hộ có 10 biến quan sát; (2) Độ tuổi của chủ hộ có 5 biến quan sát; (3) Trình độ học vấn của

chủ hộ có 4 biến quan sát và (4) Giới tính của chủ hộ có 4 biến quan sát.

Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận TDCT của hộ nghèo

Vì mô hình khả năng tiếp cận tín dụng chính thức là hoặc tiếp cận được (vay được), hoặc không tiếp cận được (không vay được), nên nhóm tác giả phải sử dụng mô hình hồi quy Binary Logistic. Khác với các mô hình hồi quy tuyến tính thông thường hệ số R^2 càng lớn, thì mô hình càng phù hợp, hồi quy Binary Logistic sử dụng chỉ tiêu -2LL (-2 log likelihood) để đánh giá độ phù hợp của mô hình. -2LL càng nhỏ càng thể hiện độ phù hợp cao. Giá trị nhỏ nhất của -2LL là 0 (tức là không có sai số) khi đó mô hình có độ phù hợp hoàn hảo. Kết quả kiểm định cho thấy, giá trị -2LL = -62,054 (-2*31,027) không cao lắm, thể hiện một độ phù hợp khá tốt của mô hình tổng thể.

Kết quả Bảng 3 cho thấy, mức đánh giá về 3 thang đo: Thu nhập và diện tích đất của hộ; Độ tuổi của chủ hộ; Giới tính của chủ hộ có giá trị (Sig.). Như vậy, các hệ số hồi quy của 3 thang đo trên có ý nghĩa và mô hình sử dụng được tốt. Riêng đối với thang đo Trình độ học vấn của chủ hộ có mức ý nghĩa (Sig.) lớn hơn mức ý nghĩa $\alpha = 0,05 \rightarrow$ Chấp nhận H_0 . Như vậy, hệ số hồi quy của thang đo này không có ý nghĩa, hay nói cách khác yếu tố này không ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận TDCT của hộ nghèo ở huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Từ các hệ số này, tác giả đưa ra phương trình cho mô hình được viết như sau:

$$\log \left(\frac{P(Y=1)}{P(Y=0)} \right) = 3,224 + 3,6628 * X_1 + 3,8116 * X_2 + 0,8038 * X_4$$

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Dựa vào kết quả nghiên cứu định lượng đã xác định được mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến khả năng tiếp cận tín dụng của hộ nghèo ở huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long, nhóm nghiên cứu đề xuất khuyến nghị, như sau:

Về nhân tố Độ tuổi

Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra nhân tố Độ tuổi của chủ hộ có ảnh hưởng đến việc tiếp cận vốn TDCT. Khi độ tuổi của chủ hộ còn trẻ, thì kinh nghiệm và kỹ năng còn ít, do đó việc sử dụng vốn vay không hiệu quả hơn những người có độ tuổi trung niên và có kinh nghiệm

lâu năm trong quá trình sản xuất. Đây là căn cứ để tăng hiệu quả sử dụng vốn và làm giảm rủi ro không trả được nợ trong tương lai.

Mặt khác, chủ hộ là người có độ tuổi trung niên thường có mức độ tín nhiệm nhiều hơn. Điều này cũng được thể hiện trong quá trình thực tế khảo sát.

Về nhân tố Thu nhập và diện tích đất của hộ

Trong số các hộ gia đình có vay vốn TDCT chủ yếu là các hộ gia đình có đời sống tương đối khá hơn so với các hộ khác. Nguyên nhân là do những hộ này có những hoạt động tạo ra thu nhập ổn định, đây là cơ sở vững chắc giúp hộ có khả năng tiếp cận được với việc vay vốn TDCT của địa phương. Từ kết quả điều tra thực tế cho thấy, các hộ gia đình có công việc tạo thu nhập ổn định thường tự tin trong quyết định vay vốn TDCT hơn. Còn các hộ gặp khó khăn trong quá trình tạo ra thu nhập, thì việc tiếp cận vay vốn TDCT của họ rất hạn chế, vì họ sợ không trả được nợ.

Bên cạnh đó, hộ có tài sản thế chấp (diện tích đất) và các tài sản khác tham gia vào hoạt động sản xuất của hộ này càng cao, thì việc tiếp cận vốn TDCT sẽ càng dễ dàng hơn. Ngược lại, khi hộ có nhu cầu vay vốn để phục vụ sản xuất, nhưng cũng không thể vay được là do không có tài sản thế chấp. Do đó, để

các hộ nghèo có thể tăng khả năng tiếp cận vốn TDCT, thì cần phải có sự giúp đỡ của các ban, ngành, đoàn thể trong xã hội để có thể cải thiện thu nhập của người nghèo từ đó nâng cao đời sống của hộ gia đình, nâng cao giá trị tài sản thế chấp (diện tích đất) và các tài sản khác của hộ.

Mặt khác, nghiên cứu cũng cho thấy, những hộ gia đình có số lượng lao động chính cao và số người phụ thuộc thấp, thì việc tiếp cận vốn TDCT sẽ dễ dàng hơn. Vì vậy, để nâng cao khả năng tiếp cận TDCT, thì các hộ gia đình cần chủ động chăm lo sức khỏe cho những thành viên trong gia đình mình để gia tăng số lượng lao động (giảm số người phụ thuộc do không đủ sức khỏe lao động).

Cuối cùng, thu nhập của chủ hộ góp phần nâng cao khả năng trả nợ, nên nếu thu nhập của chủ hộ càng cải thiện, thì khả năng trả nợ của hộ sẽ tăng, hộ gia đình sẽ dễ dàng tiếp cận vốn tín dụng hơn. Vì vậy, các hộ gia đình cần chủ động nâng cao thu nhập góp phần tăng khả năng tiếp cận TDCT của địa phương.

Về nhân tố Giới tính của chủ hộ

Giới tính của chủ hộ là nam giới sẽ làm tăng khả năng tiếp cận TDCT hơn vì nam giới có nhiều khả năng tạo ra thu nhập hơn đảm bảo trả được các khoản nợ.

Trong quá trình khảo sát thực tế cho thấy, nam giới khi được vay vốn TDCT thường sử dụng đúng mục đích sản xuất làm tăng hiệu quả hoạt động sản xuất nông nghiệp. Do đó, địa phương nên xem xét đến các hộ gia đình có chủ hộ là nam giới có độ tuổi trung niên và có hoạt động tạo ra thu nhập tạo điều kiện cho hộ có thể tiếp cận được TDCT nhằm giúp hộ ổn định cuộc sống, tăng thu nhập và góp phần vào ổn định xã hội. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cục Thống kê tỉnh Trà Vinh (2016). *Niên giám Thống kê tỉnh Trà Vinh năm 2015*, Nxb Thống kê
2. Ứng Tiến Dũng (2012). *Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận tín dụng chính thức của nông hộ trên địa bàn huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang*, Luận văn thạc sỹ kinh tế, Trường Đại học Cần Thơ
3. Nguyễn Hoàng Khen (2014). *Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận TDCT của nông hộ huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long*, Luận văn thạc sỹ kinh tế, Trường Đại học Cần Thơ
4. Trương Đồng Lộc, Trần Bá Duy (2010). Các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận TDCT của nông hộ trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, *Tạp chí Ngân hàng*, số 04/2010
5. Nguyễn Quốc Nghi (2011). Khả năng tiếp cận nguồn TDCT của hộ nghèo, *Tạp chí Ngân hàng*, số 7, tháng 04/2011
6. Bùi Văn Trịnh (2014). Nâng cao khả năng tiếp cận vốn tín dụng từ các tổ chức TDCT: Trường hợp hộ nghèo trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, *Tạp chí Cộng Sản*, số 6/2015
7. Dzadze P., Osei Mensah J., Aidoo R. and Nurah GK (2012). Factors determining access to formal credit in Ghana: A case study of smallholder farmers in the Abura - Asebu Kwamankese district of central region of Ghana, *Journal of Development and Agricultural Economics*, Vol.4(14):416-423
8. Khalid M (2003). *Access to Formal and Quasi-formal Credit by Smallholder Farmers and Artisanal Fishermen: A case of Zanzibar*, Repoa Research Report No. 03.6. Business & Economics, Mkuki na Nyota Publishers
9. Paul Mpuga (2008). *Constraints in Access to and Demand for Rural Credit: Evidence from Uganda*, A paper for presentation during the African Economic Conference (AEC) 12-14, November, 2008 Tunis, Tunisia